

Các lãnh đạo Trung Quốc thời Mao có xu hướng xếp chính sách đối ngoại ở vị trí thứ yếu trong quá trình quản trị đất nước. Tuy nhiên, ông Tập cho thấy quyết tâm và sự tin cậy thay đổi khuôn mẫu truyền thống này nghiêng về cách tiếp cận thông minh. Khi làm việc, ông Tập Cận Bình hướng tới một chính sách đối ngoại quyết đoán hơn.



Bên cạnh việc điều chỉnh các chính sách đối nội và đối ngoại, ông Tập Cận Bình trở thành nhà lãnh đạo duy nhất sau Đặng Tiểu Bình thay đổi hoàn toàn bộ cục tranh

chính trị nội bộ và quan hệ đối ngoại của Trung Quốc trong nhiệm kỳ
5 năm

đầu tiên. Các lãnh đạo Trung Quốc từ

thời Mao

có xu

h

đang

xp

chính sách đối ngoại

đó trí

th

y

trong

ngành trình quản trị đất nước

.

T

uy nhiên,

ông Tập,

vì những lý do

đó

trong bài, cho thấy

quyết tâm và

s

tin

thay đổi

khuôn mẫu

truyền thống

này nghiêng về cách tiếp cận thông minh

. Khi làm vậy,

ông Tập

Cận Bình

hàng đầu mới

chính sách

đối ngoại

quyết đoán

h

. Hi

cách thức ông Tập triển khai “ngoại giao quốc gia”

(

)

,

tác giả

số dõng mô hình
có điếu chớnh
dĩa trên
hợc thuyếtt nớng lợc quốc gia của
Joel Migdal.

Bớng
hợ tộ tợợng chớ nghĩa dân
tợc
và dân
túy
bao
trùm bợi xu hợợng
toàn cợu, cợi tợ
và
đợi mợi
thợ chợ, huy đợng
các
nguợn lợc,
triợn khai
vợi kợ luợt,
sợn sàng
chợp nhợn rợi ro
, khợ nớng
lớnh đợo khéo léo
và
tợn dợng
”

thợi
đợiợn
lợch số thợ giợi
”

,
ông Tợp
Cợn Bớnh
giúp Trung Quốc xây dợng nớng lợc
ngoại giao mớnh mợ. Tuy nhiên,
chớnh sách “ngoại giao nớợc lớnn” của ông Tợp cợng gợp nhiợu khó khợn
và thách thợc.

T
riợn vợng Trung Quốc trợ thành cợợng quốc toàn cợu
không
thợc số chợc chợn.

Xây dợng nớng lợc ngoại giao mớnh mợ hợn

Ngay cả ta thường sử dụng cụm từ “có tính quy tắc đoán” hay “quy tắc đoán” khi mô tả chính sách

“ngoại giao nước lớn”

(

□

□□

□

)

dưới thời

Tập Cận Bình.

[\[1\]](#)

Tuy nhiên,

ngoại giao nước lớn

lâu dài và hiệu quả của

mọi

chiến lược

chính trị, ngoài tính quy tắc đoán

đưa trên tin;

chính sách này phải được xây dựng trên nền tảng vững chắc phù hợp với các mục tiêu xác định và khế thừa truyền thống khai phá chiến lược đó. Trong cuốn sách nổi tiếng “Xã hội Hùng mạnh và Quốc gia Yếu đuối,”

[\[2\]](#)

Joel Migdal giải thích việc một số quốc gia phát triển thực thi chính sách nhằm thay đổi cơ bản xã hội thành công hơn những nước khác.

Các điều kiện

quan trọng hình thành

những lực

quốc gia

cho phép

các nước

này

theo đuổi những thay đổi xã hội mang tính cách mạng, như ông

Migdal

đã đề cập

chi tiết trong

các trường hợp

nghiên cứu, bao gồm 1) sự hiện

diện

của

một hệ thống pháp

quát

giúp huy động sự ủng hộ

chính trị và sự đồng thuận của người dân

;

[3]

2) khả năng huy động
đầu nguồn lực để thực hiện chính sách
quốc gia

[4]

; 3) xây dựng
thị trường vĩ
các
cơ quan
hiệu quả

[5]

; 4)
khả năng
lãnh đạo mạnh mẽ và
khéo léo

[6]

;
5)
“thị trường
lịch sử thị trường
”

và một số
mũi
đưa bên ngoài
trong đó

lực lượng chính trị ngoại sinh đang hình
việc
kiểm soát xã hội tập trung.

[7]

Học thuyết của Joel Migdal xem xét trong hợp các nước đang phát triển có phá vỡ
khôn mủ
của
xã hội truyền thống

,
trong
khi triển khai
chính sách
chuyển đổi
xã hội đầy tham vọng
hàng loạt thị trường tập quốc gia có vẻ như
trung tâm.

Bối cảnh
và động lực
thúc đẩy
ông Tập hướng tới chính sách đối ngoại
quyết đoán
có
nhiều điểm tương đồng
với cách thực hiện công quốc
hình thành
trong nghiên cứu
của
Migdal.

Thậm chí chưa hết nửa nhiệm kỳ đầu, ông Tập Cận Bình cho thấy sự khác biệt với
những người tiền nhiệm về tầm
nhìn, chính sách và phong cách
điều hành
đặt nước

.
Tập
cờ đỏ
ông Tập
thực hiện
tốt cả những điều này
không có gì đặc biệt khi
mặt lãnh đạo
chính trị
xóa bỏ
di sản của các chính quyền trước sau
khi giành chiến thắng
, mặt đặt nước từ lâu đánh giá cao
tính tiếp nối thay vì sự gián
đoạn, cờ đỏ và
quy mô
của những thay đổi
ông Tập tạo ra rất đáng chú ý
;

Điều này cũng tạo nên một công nghệ thay đổi đời sống ông Tập.

Trong cuộc nhiệm kỳ đầu tiên, việc ông Tập Cận Bình nắm rất nhiều quyền lực khi
nguyên tắc “lãnh đạo tập thể”, duy trì đời sống Giang Trạch Dân, Học Cẩm Đào,

[\[8\]](#)

d n xóa b . Ông Táp Cn Bình t ng c ng quy n l c b ng vi c phát đ ng cu c
chi n ch ng tham nh ng
tác đ ng sâu r ng trong
n i b
đ ng và nhà n c, thúc đ y và u tiên xây đ ng quân đ i
hùng m nh gi ng v i quân đ i
c a m t
siêu c ng

,
thay vì
quân đ i trong
h c thuy t
chi n tranh nhân dân
c a Mao

,
và c g ng đ a n n kinh t Trung Qu c
thoát kh i
mô hình t ng tr ng cao
nh t p trung đ u vào
t th i ng Ti u Bình.

Trên m t tr n đ i ngo i, các sáng ki n v và thành t u c a ông Táp nhìn chung nh
nhau. V c b n, ông Táp Cn Bình đã t b chi n l c “Gi u mình ch th i” c a
ng Ti u Bình [9], thay b ng chính sách đ i
ngo i quy t đoán và ch
đ ng h n. Cùng v i ngh tr ình trong n c, ông Táp tr thành nhà lãnh đ o duy
nh t sau ng Ti u Bình
t
h a
y
đ i hoàn toàn b i c nh chính tr trong n c và quan h đ i ngo i ngay trong nhi m
k đ u tiên.

Tuy nhiên, n u coi nh ng thay đ i ông Táp t o ra trên ph ng di n đ i n i và đ i
ngo i là ngang nhau, chúng ta b qua m t đi m m u ch t. T t
h i Mao t i H C m ào,
các lãnh đ o Trung Qu c có xu
h
ng
x p
chính sách đ i ngo i
v trí

thì
yêu
trong
nghĩa trình quần thể đất nước

.
T
uy nhiên,
ông Táp,
vì những lý do
đặc biệt
trong bài, cho thấy
quyết tâm và
sự

tự tin
thay đổi
khuôn mẫu
truyền thống
về mối quan hệ và ranh giới giữa chính sách đối nội và đối ngoại, nghiêng về cách
tiếp cận thông nhất trong việc quản trị cả hai lĩnh vực, một đồng thái độ phá vỡ
đất nước có nhiều cuộc cách mạng hữu cách mạng hơn bất kỳ quốc gia nào.
Theo phong cách “Thông thường Uy quyền”

của
Thông thường
Mà

[\[10\]](#)

, siêu cường
hiện tại
và đối thủ
lớn nhất với tham vọng
siêu cường của Trung Quốc,
ông Táp
nâng ngoại giao
ngang tầm với
chính sách đối nội và
tập trung nhiều tâm huyết
hướng tới mục tiêu
đó
với
tác động ngoại
mục.

N
là
hợp nhất
nghĩa
trình
trong nước

vào mặt
chiến dịch
tổng lực đố
không đờnh
hình ỏnh cầa
Trung Quốc
cho thợy ông
Tập khác biệt với những ngườỉ tởn nhiểm.
Ngoài ra, cách tập cần
này tợo không gian quốc tộ lớn hơn và
”

các cợc tợng trợợng
”

mợi cho
ngoại giao và kinh tộ
giúp ông Tập Cận Bình huy đợng
nguồn lực
chung
trên cầ hai mặt trờn
, qua đố
thợ nghiểm các
hoạt đợng
ngoại giao lớn và
tợo ra các
đợt phá ngoại giao
mà giợi
lãnh đợo Trung Quố
c trợợc đầy
đầ
tìm
kiểm.

Đờ nhiên, ông Tập không phợi nhà lãnh đợo đợu tiên cầa Trung Quốc cầ gợng sắp
nhợp
ngộ trình đợi nợi và đợi ngoại thành
mặt mợc tiêu đợy tham vợng. Nhợ nhà sợ hợc
Thợm Chí Hoa (
Zhihua Shen
)
khéo léo
đợ cợp
trong nghiئن cợu gợn đầy,
xợ lý mợi quan hợ với Trờu Tiên tợ nợm 1945 đờn nợm 1976 là sợn phợm cầa
mặt

lãnh đạo hành động
nh
hoàng đế

,
không phân biệt chính sách đối nội hay đối ngoại miễn có hai phác vẽ mong muốn
của ông
trở thành
lãnh tụ
cuộc cách mạng công sản thế giới.

[\[11\]](#)

Số khác biệt giữa Mao và
Táp
là Mao không
th

đặt được có hai mục tiêu
trong khi ông Táp
đồng nh có cả hai tốt hơn
đ thúc đẩy
thành công
các mục tiêu

đối
nội
và đối ngoại.

Yếu tố khác biệt chính là
ông Táp

xây dựng năng lực ngoại giao mnh phù hợp với mục tiêu và tạo điều kiện cho cách
tiếp cận

thông nhót của ông

, mặt

điều xa x

Mao m các nhng đn gi n là ngoài tầm

vì thế điếm đó.

Vậy bằng cách thức nào ông Táp Cận Bình xây dựng năng lực ngoại giao để theo đ
u

ngoại giao

nôc lân

trong một khoảng thời gian ngắn nh vậy? Trong

5

n m

đôi thời ông Táp

, nh

ví dụ cho thấy Trung Quốc đã chuyển đổi

mnh m

Theo mô hình
Joel Migdal
về cách thức
các
cộng đồng
thay đổi tri thức
đồng
xã hội,
ông Tập
có
ý định
và
nỗ lực xây dựng một nền tảng hiệu quả giúp thay đổi sự minh ngoại giao
của Trung Quốc
để
đảm bảo
môi trường hòa bình có lợi cho sự phát triển
đồng
nhân
sang
mở rộng
ảnh hưởng
toàn cầu của
giúp Trung Quốc đạt được các mục tiêu dài hạn và đối ngoại,
cùng cái gọi là Giấc mơ Trung Hoa

[12]

Nhưng
ví dụ
này bao gồm
sự minh ngày càng gần của Trung Quốc
1)

không chỉ là

“

phần lớn

”

vì
những diễn biến
bên ngoài
mà
chúng đang tiến hành
các điều kiện quốc tế thuận lợi (
hãy
nhớ
tôi yêu cầu ‘thời điểm lịch sử thế giới’

?

)

đ

ốc biệt

khi những

điều kiện giúp

thay đổi

cán cân sức mạnh

có lợi cho

Bắc Kinh; 2) nâng

ngoại giao

kinh tế thành một kế hoạch tổng thể

nhằm

xây dựng một mạng lưới các

hiệp định,

thỏa thuận và thế chấp để

củng cố vị thế của Trung Quốc như một

lựa chọn

thay thế cho trật tự toàn cầu

do Mỹ

lãnh đạo, đặc biệt dưới hình thức

“Sáng kiến

Một

V

ành đai,

M

ột

Con đường”

(BRI); 3)

triển khai

,

trên quy mô lớn và

tinh vi

,

ngoại giao đa phương như hội nghị thượng đỉnh

ở Trung Quốc để nêu bật

và nhấn mạnh

quyết tâm của ông Tập

trở thành

lãnh đạo

mới

trên vĩ đài

toàn cầu

,

và quan trọng hơn nữa điều kiện

hình thành một liên minh không chính thức

mà
Trung Quốc
“vị trí trung tâm”;
4)
xây dựng
quân đội
hùng
mạnh và
là một phần của chính sách
ngoại giao quy mô lớn
hàng đầu
chính sách
thực dụng
lập phải thực và không mạnh trong
các tranh chấp quan trọng và điểm nóng.

Trong điều kiện bình thường, để theo đuổi hiệu quả bất kỳ mục tiêu nào ở trên là
điều
thực tế
và ngoại giao.
Việc
t
heo
đuổi
đồng thời
và tất cả
các mục tiêu
cho thấy
bản chất tri thức và mục đích
thay đổi so với quá khứ trong chính sách ngoại giao nước lớn của ông Tập Cận Bình,
đồng thời thể hiện định
hàng ông
muốn đạt được
.

**Tập Cận Bình phó thủ tướng kiêm phó khi kinh hoàng xảy ra hoặc cả hội xuất
hiện**

Kể từ khi Chiếm tranh Lãnh thổ thúc, sự trỗi dậy của Trung Quốc trên trường quốc tế
đồng hành với rất nhiều tổ chức mất các sự kiện quốc tế; các sự kiện này giúp

Trung Quốc vượt qua những thách thức khó khăn hoặc biến những thách thức này thành cơ hội quý giá. Việc Iraq quyết định xâm chiếm Kuwait năm 1990 và cuộc chiến Iraq lớn giúp giúp giảm bớt áp lực phòng Tây áp đặt lên Trung Quốc sau sự kiện năm 1989 bởi Mỹ muốn tìm kiếm sự trợ giúp của Trung Quốc khi thông qua các nghị quyết quan trọng của Liên Hợp Quốc. [13] Cuộc khủng hoảng tài chính thế giới năm 1997/1998 giúp Trung Quốc giành thêm nhiều uy tín, ngay cả từ phía Mỹ, vì nước này quyết định không phá giá tiền tệ. Vào tận công ngày 11/9/2001 giúp Trung Quốc và Mỹ thoát khỏi cuộc khủng hoảng quan hệ ngoại giao khi chỉ vài tháng trước một máy bay do thám Mỹ va chạm với một máy bay phản lực Trung Quốc, buộc hạ cánh (và bị giam giữ) tại đảo Hainan.

[14]

Với cuộc chiến Iraq năm 2003, Mỹ sa lầy trong “cuộc chiến dài hạn” kể từ Thế chiến thế hai với phí tổn chiến tranh hơn 4 nghìn tỷ USD. Điều này khiến uy tín của Mỹ bị ảnh hưởng nặng nề, và quan trọng hơn, tạo ra nhiều nhóm các đoàn thể như ISIS khiến Mỹ phân tâm, góp phần ảnh hưởng tới

chính sách Xoay trục Châu Á. Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2007/2008 cũng tác động tới Trung Quốc. Tuy nhiên, xét tổng thể, cuộc khủng hoảng cũng là cơ hội: tiếp tục làm suy yếu Mỹ và theo đó, toàn bộ nền kinh tế phương Tây. Đáng chú ý, cuộc khủng hoảng tài chính thế giới sau Thế chiến thế hai mang lại cho nền kinh tế Trung Quốc một lợi thế lớn khi Trung Quốc là một trong số ít các quốc gia

[15]

có thể trở vững trong cuộc khủng hoảng, giúp thay đổi cán cân quyền lực trong nền kinh tế toàn cầu theo hướng có lợi cho Trung Quốc.

Kể từ cuối năm 2012, Trung Quốc tiếp tục trải qua một loạt biến đổi bên ngoài tạo ra các thách thức tiếp và gián tiếp đối với Trung Quốc. Tuy nhiên, dẫu thế ông Tập, cách Trung Quốc đối phó những tình huống như vậy có nhiều thay đổi - Trung Quốc không còn hài lòng với việc chờ đợi phản ứng trước những sự kiện này, tận dụng nhiều nhất cơ hội có thể trong khi chờ những sự kiện này diễn ra một cách tự nhiên. Thay vào đó, ông Tập Cận Bình thúc đẩy việc tận dụng những biến đổi này và có những hành động mạnh mẽ, ngay cả có nguy cơ phá vỡ một số nguyên tắc lâu đời để chào đón những biến đổi này theo hướng Trung Quốc mong muốn. Ví dụ, hành động của Nga ở Crimea vào năm 2014 đã tạo nên một lợi thế trong quan hệ Nga-Mỹ và thậm chí một hy vọng “thiết lập lại”. Mặc dù từ lâu luôn báo về nguyên tắc và chờ đợi quyết định quốc gia và sự toàn vẹn lãnh thổ, Trung Quốc im lặng khi Nga xâm phạm các nguyên tắc này. Thay vào đó, ông Tập

Cận Bình

hướng tới thúc đẩy quan hệ gần gũi hơn giữa mình với Nga vào thời điểm nước Nga rất cần phá vỡ sự cô lập quốc tế.

[16]

Tổng cộng lại, sau chiến thắng bất ngờ của ông Donald Trump, ông Tập nhanh chóng tận dụng việc ông Trump quyết định rút khỏi TPP và Hiệp định Paris với Biden để Khẳng định khi tuyên bố Trung Quốc là Người bạn tốt và mọi của thế giới đối với toàn cầu

hóa và hợp tác đa phương trong vấn đề thương mại và nóng lên toàn cầu.
[\[17\]](#)

Trên thực tế, ông Tập Cận Bình không thay đổi tư tưởng phó sang chế độ nóm bẹt và điểu chỉnh diên biến bên ngoài theo hướng có lợi cho Trung Quốc trong mặt sấm mặt chiếu. Ông không đến gần là thế hiện “quyết tâm”. Khi nóm quyên lức, ông Tập n lức xây dựng n n tng giúp Trung Quốc chế độ và minh m h n trong việc đi phó các diên biến bên ngoài. N lức của ông Tập Cận Bình thế hiện m m t s khía c nh. u tiên, ông Tập u tiên việc c u trúc th ng t ng (), n n t ng c s (), quan đi m ba chi u (), và s ph i h p (). Ông c ng đi u chỉnh b máy ngo i giao và an ninh qu c gia v i m c tiêu t ng c ng kh n ng đi u ph i chính sách đi ngo i, đ c bi t thi t l p H i đ ng An ninh Qu c gia phiên b n Trung Qu c, y ban An ninh Qu c gia Trung ng (Central National Security Commission

- CNSC) và t p h p quanh ông m t nhóm các tr lý và nhà phân tích có n ng lức và đáng tin c y.

[\[18\]](#)

V i việc thúc đ y khái ni m hóa và xây dựng th ch , ông Tập v trí minh h n nhi u so v i nh ng ng i ti n nhi m, thay vì ph n ng nh tr c đây, Trung Quốc chế độ đ nh hình các diên biến bên ngoài. Tuy nhiên, chế c h i ho c ngu n lức s không đ m b o thành công. Kh n ng ph n ng nhanh, đ t khoát và m t mô hình ph i h p hi u qu s quan tr ng, n u không nói là r t quan tr ng, trong n l c chuy n đ i nh ng diên biến bên ngoài thành c h i. Cho đ n gi , ông Tập ch ng t không ph i là m t ng i c h i; s s c s o trong n m b t các s ki n trên th gi i và m c đ quy t tâm giúp ông v t xa nh ng ng i ti n nhi m trong v n đ này.

[\[19\]](#)

Nâng tầm ngoại giao kinh tế trong chính sách đối ngoại Trung Quốc

Hội nhập vào nền kinh tế quốc tế là điểm khởi đầu và lý do khiến kinh tế Trung

Quốc
Trung Quốc
bắt đầu cải cách vào cuối những năm 1970. Không có gì ngạc nhiên khi ngoại giao
kinh tế là một phần quan trọng
trong
quan hệ đối ngoại của Trung Quốc
kể từ đó

.
Khác biệt ông Tập cho ra
là tầm nhìn và
năng
nâng
tầm
ngoại giao kinh tế
đóng vai trò trung tâm
trong
chiến lược
tổng thể của Trung Quốc.

[\[20\]](#)

BRI
là minh chứng rõ nhất về sự chuyển đổi này, một sáng kiến mang tầm vóc
của ngoại giao Tập Cận Bình.

BRI chính thức được thông qua vào năm 2013. Trên thực tế, một số học giả và viên
nghiên cứu
trong
giới
ngoại giao và
quốc phòng
Trung Quốc thậm chí từng tỏ ra nghi ngờ về cách đây nhiều năm dựa trên luận
điểm
đã đến lúc Trung Quốc vượt khỏi các nước láng giềng
lần đầu
đó
“Hàng
Tây (Trung Á)
”
, học
“Hàng
Nam (Nam Á)
”
,
mở rộng không gian
đối
ngoại của Trung Quốc

đề cân bằng với
chính sách Xoay
trục
châu Á của
Mỹ,
tạo dựng
nhân tố
mới
để đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn
của Trung Quốc
về lợi ích
an ninh hoặc kinh tế chiến lược.
Tuy nhiên,
BRI
của ông Tập
Cận Bình
có tầm vóc vượt
xa mới
ý tưởng bàn thảo
lúc
đó
. Các biệt,
sáng kiến này đang giúp
mở rộng
thành tố quan trọng
trong lợi ích cốt yếu
của Trung Quốc
,
bao gồm:

- Nhu cầu đảm bảo các tuyến vận tải và công biển huyết mạch trong hoạt động
cung
ứng
nhập khẩu
của Trung Quốc
, mở rộng thị trường mới và các kết
nối
kinh tế khác.

- Nhu cầu tái cân bằng nền kinh tế Trung Quốc bao gồm mong muốn sẽ đóng vai
trọng ngoài đời
chuyên

sẽ xuất
công nghiệp
địa thế
của Trung Quốc.

- Tham vọng của quân đội Trung Quốc, lên đầu tiên, tạo dựng mạng lưới các kho chứa
và
hệ thống toàn cầu
để hỗ trợ
lực lượng hải quân
biển xanh
thực
thực
.

- Các tính toán chiến lược của Trung Quốc nhằm thách thức trật tự thế giới Mỹ chi
phối
, Trung Quốc cần
xây dựng nguyên mẫu thay thế
dạng hình thức
mới
mạng lưới
không chính thức
các bên
có chung lợi ích và Trung Quốc đóng vai trò trung tâm
. Một mạng lưới nhúng vào hệ thống hiện có
nhưng tránh
phá vỡ
trực tiếp hệ thống hiện
tại
, ít nhất trong một
giới
lãnh đạo thế giới và
cộng đồng quốc tế
. Xét cho cùng, trong khi
sức mạnh
quân
s
Trung Quốc
ngày càng tăng

, lợi thế cạnh tranh của
Trung Quốc
trong quan hệ quốc tế nhằm
chống lại
sức mạnh
kinh tế bao gồm khả năng
tham gia các dự án đầu tư và các sự kiện
không chỉ với
hiệu quả và quy mô lớn hơn
so với phương Tây, cùng nguồn
tài chính gần như
vô hạn
của nhà nước.

- Sự tin tưởng và năng lực ngày càng tăng của Trung Quốc trong việc xây dựng thế giới
toàn cầu và thị trường tự do [21] -
loại bỏ lợi thế cạnh tranh nghiêng về phía Mỹ và phương Tây.

Tóm lại, BRI thể hiện quyết tâm của ông Tập Cận Bình trong việc xây dựng một
mạng lưới các thỏa thuận, dự án và thế giới do Trung Quốc
chi phí

,
giúp
Trung Quốc
có thể lực
trong
cuộc
cạnh tranh với
Mỹ
và trở thành thế giới do
Mỹ dẫn đầu
. Một số chuyên gia bao gồm các học giả Trung Quốc đã chỉ trích BRI (và đúng như
vậy) quá tham vọng.
[22]

Tuy nhiên,
hiệu ứng “tiếng vang”
có lẽ là một phần quan trọng trong tính toán ban đầu của
ông Tập

.
Cách tiếp cận

từ từ
có thể
có nhiều lợi ích hơn
. Những vấn đề
ông Tập
, nếu
quản hàng
của BRI
đều lớn như một lợi
tuyên bố
về một thế giới mới
do Trung Quốc
đưa ra
, lợi ích chung lớn
khi đó
thực sự
vượt xa
những bất lợi
.

Quản hàng của BRI nhanh chóng phát huy sau khi Trung Quốc giới thiệu và triển
khai sáng kiến. Thực
tế đây
là
bước đi cực kỳ
khôn khéo
nhằm
mở rộng không gian quốc tế của Trung Quốc thông qua
“các
liên kết
”

.
Về việc
nhận minh cá
i
gợi là
quan điểm ba chiều và
đa chiều khi
xem xét một dự án tiên trong
quan hệ với các nước,
ông Tập
còn bổn đã thay đổi cách
thực
Trung Quốc

đánh giá mớ c đờ
quan trờng
cờa nhờng nờc này
vờ Trung Quờc. Ờỏ qua
rờ khi
Trung Quờc đánh giá
mờ
quan hò vờ mớ t quờc gia cờ thờ đờa vào
vờ trí
,
thờ điờm
, mớ t sỏ kiờn hòc quờ đờo mớ t chiờu. Thay vào đờ
, Trung Quờc
đờ t quan hò vờ các quờc gia hòc khu vờc khác nhau
trong mớ t hò quy chiờu lờn đờ
tìm kiờm và
xem xét các
giá trờ trong
tờng thờ
quan hò, tờo ra các cờ hòi mờ bờng cách kờ t nời các
điờm
và
hờng thờ
sờc mớnh thờng hòp
trong mớ t
mờng
lời
các đời tác thờng mời và đờu tờ; mớ t lời thờ rờt lờn
mà không đánh giá
mớ t chiờu nào vờ quan hò song phờng có thờ phù hòp.

....

Ờc toàn bờ bờn đờch [tời đờy](#) .

Zhimin Lin nhờn bờng Cờ nhờn thời Ờỏ hòc Phức Ờán (Trung Quờc), bờng Thờc sỏ thời Ờỏ hòc Princeton (Mờ) và bờng Tờn sỏ vờ khoa hòc chính trờ thời Ờỏ hòc Washington (Mờ). Ông giờng đờy thời Ờỏ hòc Valparaiso tờ 1990 đờn 2014, hiờn thời đờng giờng đờy thời Ờỏ hòc Mao Cao. Các Ờn phờm và nghiờn cờu cờa ông tờp trung Ờ 2 lờnh vờc: mời quan hò trung Ờng – đờa phờng và sỏ tham gia cờa công chúng

vào chính sách công của Trung Quốc, chính sách ngoại giao Trung Quốc dưới thời Tập Cận Bình và sự phát triển của Trung Quốc với các thị trường Latin và châu Phi.

Bài viết được đăng trên

[Journal of Contemporary China](#)

, Volume 28, 2019 - Issue 115.

Đinh Anh (dịch)

Trần Quang (hiệu đính)

[1] Kathy Gilsinan, Cliché of the moment: “China’s increasing assertiveness,” *The A*

t

la

n

t

i

c

,

ngày

25/9/2

0

1

5

,

xem tại:

[h](#)

[t](#)

[t](#)

[p](#)

[s](#)

[:](#)

[//](#)

[w](#)

[w](#)

[w](#)

[:](#)

[t](#)

h
e
a
t
a
t
p
t
i
c
c
b
/
t
e
r
p
a
t
p
a
/
a
r
c
t
e
/
2
0
1
1
5
/
0
9
/

o
u
t
t
h
:
c
h
i
n
a-
s
ea

:
a
s
s
e
r
t
i
v
e
n
e
s
s
/
4
0
7
2
03

/
:
.
(

truy cập ngày

15/12/20

17

);

T

ao

Y

u,

,

G

e
t
r
e
a
d
y
f
o
r
a
n
e
v
en
m
o
re
a
s
s
e
r
t
i
v
e
C
h
i
n
a
;
T
h
e
D
i
p
l
o
m
a
t
,
ngày

1/11/2

0

1

7

, xem tđi:

[h](#)
[t](#)
[t](#)
[p](#)
[s](#)
[:](#)
[/](#)
[/](#)
[t](#)
[h](#)
[e](#)
[d](#)
[ip](#)
[!](#)
[o](#)
[ma](#)
[t](#)
[.c](#)
[o](#)
[m](#)
[/](#)
[2](#)
[0](#)
[17](#)
[/](#)
[1](#)
[1/](#)
[g](#)
[e](#)
[t-](#)
[r](#)
[e](#)
[a](#)
[d](#)
[y](#)
[:](#)
[fo](#)
[r](#)
[:](#)
[a](#)
[n](#)

-
e
v
e
n
-
m
o
r
e
-
a
s
s
e
r
t
i
v
e
-
c
h
i
n
a
/

.
(
truy c p
ngày
15/12/2
0
1
7
).

[2] Joel S. Migdal, *Strong Societies and Weak States, State-Society Relations and State Capabilities in the Third World*

(Princeton,
NJ:
Princeton

University

Press, năm 1988).

[3] Tlđđ, tr 265.

[4] Tlđđ, tr 80.

[5] Tlđđ, tr 263.

[6] Tlđđ, tr 172, t 275–277.

[7] Tlđđ, t 271–275.

[8] Angang Hu, ‘Hệ thống lãnh đạo tập thể ở Trung Quốc’ [‘The System of Collective Leadership in China’]
(Beijing: Zhongguo Renmin Daxue Chubanshe, năm 2013).

[9] Charles Glove, ‘Xi Jinping signals departure from low-profile policy,’ (ngày 20/11/2017) xem t ại:
<https://www.ft.com/content/05cd86a6-b552-11e7-a398-73d59db9e399>
. (ngày truy cập 14/12/2017).

[10] Arthur Schlesinger, *The Imperial Presidency* (Boston: Houghton Mifflin

Company,
năm
1973).

[11] Zhihua Shen, ‘[The Last ‘Celestial Empire:’ Mao Zedong, Kim Il Sung and Sino-North Korean Relations 1945–1976]’ (Hong Kong: The Chinese University of Hong Kong, năm 2017).

[12] Mục tiêu kép của giới lãnh đạo Trung Hoa là xây dựng một xã hội tề bình thịnh vượng và hiện thực hóa công cuộc phục hưng dân tộc, cốt lõi là xây dựng một xã hội tề bình thịnh vượng khác giới năm 2021 (kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng Cộng Sản Trung Quốc) và trở thành một

“nền xã hội chủ nghĩa hiện đại, giàu mạnh, dân chủ, văn minh và hài hòa vào năm 2049 (kỷ niệm 100 năm thành lập nước Cộng Hòa Nhân dân Trung Hoa).

[13] George H. Bush và Brent Scowcroft, A World Transformed (New York: Vintage Books, năm 1998).

[14] Jacques deLisle, ‘9.11 and US-China relations,’ Foreign Policy Research Institute, ngày 3/9/2011, xem tại: <https://www.fpri.org/article/2011/09/911-and-u-s-china-relations/>. (truy cập ngày 5/5/2017)

[15] Nền kinh tế lớn khác là lớn . Ben Bernanke, ‘Asia and Global Financial crisis,’ ngày 19/10/2009, xem tại: <https://www.federalreserve.gov/newsevents/speech/bernanke20091019a.htm>. (truy cập ngày 5/5/2017).

[16] Douglas E. Schoen và Malik Kaylan, *The Russia-China Axis, the New Cold War and American Crisis of Leadership* (New York: Encounter Books, năm 2014).

[17] Bài này trái ngược với tài liệu quá khứ của Trung Quốc. Ví dụ năm 2009, Trung Quốc bắt trích tài liệu hội nghị Copenhagen vì hành động chậm chạp với biến đổi khí hậu. Mark Lynas, ‘How do I know China wrecked the Copenhagen deal?’ *The Guardian*, ngày 22/12/2009, xem tại: <https://www.theguardian.com/environment/2009/dec/22/copenhagen-climate-change-mark-lynas>. (truy cập ngày 1/5/2017).

[18] Jiantao Shi, ‘Will China’s new foreign policy dream team be the key to achieving its global ambitions?’ *South China Morning Post*, ngày 25/2/2018, xem tại: <http://www.scmp.com/news/china/diplomacy-defence/article/2134189/will-chinas-newforeign-policy-dream-team-be-key>. (truy cập ngày 1/3/2018).

[19] Robert Ross và Jo Inge Bekkevold, biên, *China in the Era of Xi Jinping, Domestic and Foreign Policy Challenges*, chương 5 (Washington DC: Georgetown University Press, năm 2016).

[20] Robert D. Blackwell và Jennifer M. Harris, *War by Other Means, Geoeconomics and Statecraft* (Cambridge: Harvard University Press, năm 2016).

[21] Yongtu Long, ‘Beijing should play greater role in global rule-making,’ *China Daily*, ngày 11/11/2016, xem tại: http://europe.chinadaily.com.cn/epaper/2016-11/11/content_27341936.htm. (truy cập ngày 5/4/2017). Tổng thống Obama dường như đã xác nhận xu hướng này với tuyên bố nội tình của ông được trích dẫn, ‘Nếu chúng ta không vượt trội cho thế giới

trên toàn cầu, hãy đoán điếu gì sẽ xảy ra? Trung Quốc sẽ làm điếu đó.’ David Sanger và Edward Wong, ‘As Obama plays China card on trade, Chinese pursue their own deals’ The New York Times, (ngày 21/3/2015), xem tại: <https://www.nytimes.com/2015/05/13/us/politics/as-obama-plays-china-card-on-trade-chinese-pursue-their-own-deals.html>. (truy cập ngày 1/6/2015)

[22] Kaisheng Li, ‘[Should not put too much emphasis on the strategic significance of BRI](#)’, Financial Times (bản tiếng Trung), ngày 6/9/2017, xem tại: <http://www.ftchinese.com/story/001074137>. (truy cập ngày 5/4/2017); Jiang Li and Shuaiyu Li, ‘[China should avoid making BRI an expansive bet](#)’ Financial Times (bản tiếng Trung), ngày 23/6/2017, xem tại: <http://www.ftchinese.com/story/001073132>. (truy cập ngày 5/4/2017)